

Bản án số: 86/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 21-8-2020  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Từ Anh Tuấn.
2. Ông Nguyễn Thị Thu Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hà- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 432/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1978; địa chỉ: Số A, khu phố T, phường D, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hồ Văn Đ, sinh năm 1974; địa chỉ: Số A, khu phố T, phường D, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 5 năm 2020 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Hồ Văn Đ có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tổ chức đám cưới vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đoàn Hùng, tỉnh Phú Thọ. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Đ thường xuyên cờ bạc, uống rượu, không lo làm ăn hỗ trợ kinh tế gia đình, chị T góp ý thì anh Đ đánh đập chị. Chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Đ không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hồ Thị Ngọc A, sinh ngày 14/02/2004 và Hồ Ánh D, sinh ngày 15/02/2016, hiện nay 02 con đang ở với hai vợ chồng. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Hồ Văn Đ:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ vào các ngày 23/6/2020 và 13/7/2020; tham gia phiên tòa vào các ngày 04/8/2020 và ngày 21/8/2020 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của chị T và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ do Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tiến hành ngày 11/6/2020, Hội Liên hiệp phụ nữ cung cấp thông tin như sau: Hội liên hiệp phụ nữ phường không nhận được đơn đề nghị hòa giải hôn nhân giữa chị Trịnh Thị T và anh Hồ Văn Đ, đồng thời Hội cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó không biết rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu ly hôn và nuôi con của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập và niêm yết hợp lệ đối với bị đơn anh Hồ Văn Đ tham gia phiên tòa vào các ngày 04/8/2020 và ngày 21/8/2020 nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do, chị Trịnh Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề

ngày 13/7/2020. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị T và anh Hồ Văn Đ là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 21/01/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Tiêu Sơn, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh Hồ Văn Đ đến cung cấp bản tự khai, trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị T để Tòa án tiến hành hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Đ không có mặt. Chị T từ chối tham gia hòa giải vì xác định không còn tình cảm với anh Đ. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị T với anh Đ đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình.

[4] Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, anh Đ có đánh đập chị T và thường xuyên cờ bạc, không chăm lo cho gia đình. Quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã triệu tập anh Đ để hòa giải nhưng anh Đ bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ, hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị T. Mặc dù sống chung nhưng vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau và không còn cùng nhau chăm sóc con chung, điều này cho thấy tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hồ Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 14/02/2004 và Hồ Ánh Dương, sinh ngày 15/02/2016, hiện nay 02 con đang sinh sống cùng vợ chồng anh chị. Xét, việc giao con cho ai chăm sóc phải đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho các cháu, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, anh Đ không có ý kiến về việc chăm sóc và nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Tại bản tự khai ngày 13/5/2020, cháu Hồ Thị Ngọc A có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi bố, mẹ ly hôn vì cháu là con gái đang trong tuổi phát triển tâm sinh lý rất cần sự chỉ dạy, tâm sự của mẹ, cháu D đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nên việc giao con cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sau khi ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu cấp dưỡng.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Từ những phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trịnh Thị T được ly hôn với anh Hồ Văn Đ (giấy chứng nhận kết hôn số 03 quyển số 01 ngày 21/01/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Tiêu Sơn, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ).

2. *Về con chung:*

Giao con 02 con chung tên Hồ Thị Ngọc A, sinh ngày 14/02/2004 và Hồ Ánh D, sinh ngày 15/02/2016 cho chị Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn chị T phải tạo điều kiện cho anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc con, không ai có quyền ngăn cản anh Đ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung):* Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0040564 ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự (3);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- CC THADS thành phố Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Trần Thị Kim Hoa**